

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng và Ông Triệu Phúc Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị La Thị T, sinh năm 1999; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.
(Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

2. Bị đơn: Anh Lù Văn T, sinh năm 1994; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.
(Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” cùng các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị La Thị T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lù Văn T về chung sống với nhau từ năm 2016 nhưng đến ngày 19/12/2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Thời gian đầu về chung sống với nhau giữa chị và anh T rất hạnh phúc, việc kết hôn giữa chị và anh T hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ. Đến tháng 6 năm 2020 chị và anh T không chung sống được với nhau nên đã sống ly thân, đến nay tình cảm của chị không còn, chị và anh T không còn quan tâm, không mong muốn chị về chung sống

nên chị xét thấy tình cảm của chị không còn yêu thương anh T nữa, đời sống chung của chị và anh T không thể kéo dài. Vì vậy, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lù Văn T.

2. Về con chung: Chị và anh Lù Văn T có 01 con chung là Lù Anh T, sinh ngày 11/7/2016, hiện nay con chung đang ở với bố mẹ anh T tại tổ dân phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị hiện đi cắt tóc thuê tại Hải Phòng thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 7.000.000đồng. Chị không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, anh Lù Văn T mặc dù biết chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và được chị T giao các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa theo hướng dẫn của Tòa án nhưng anh T không nhận. Anh T đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa để làm việc nhưng cố tình vắng mặt mà không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39 Điều 147, 177, 179, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị La Thị T và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh T; Về con chung: Giao con chung là Lù Anh Tuấn, sinh ngày 11/7/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lù Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 02/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lù Văn T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị T và anh Lù Văn T đăng ký kết hôn ngày 19/12/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc theo giấy đăng ký kết hôn số 119/2017. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh T hạnh phúc được khoảng 4 năm (kể từ khi về chung sống là năm 2016 đến năm 2020), sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh hay ghen tuông vô cớ dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và tháng 6 năm 2020 chị T và anh T đã sống ly thân cho đến nay. Hiện chị T không còn tình cảm với anh T nên xin được ly hôn với anh T. Anh T biết việc chị T xin ly hôn mặc dù không muốn ly hôn nhưng suốt thời gian vợ chồng sống ly thân anh T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh cố tình không đến Tòa án để làm các thủ tục ly hôn với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị T và anh T kéo dài và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, giữa chị T và anh T không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Đặc biệt chị T không còn tình cảm yêu thương đối với anh T, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh T. Đến nay, chị thấy anh T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh cố tình trốn tránh việc đến Tòa để làm các thủ tục ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh T đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Uyên cũng đã xác định giữa chị T và anh T thường xuyên mâu thuẫn, nên yêu cầu khởi kiện của chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung Lù Anh T, sinh ngày 11/7/2016, hiện đang sinh sống cùng với chị gái anh T và mẹ anh T tại tổ dân phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh

Lai Châu. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hiện chị đi làm thuê (cắt tóc) tại Hải Phòng, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đồng/01 tháng, nếu được trực tiếp nuôi con chị T sẽ trở về địa phương làm thuê để thuận tiện trong việc chăm sóc con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa án và anh T hiện cũng đi làm, không rõ công việc cụ thể và ở đâu. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của con chung Lù Anh Tuấn, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị La Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị T được ly hôn với anh Lù Văn T
2. Về con chung: Giao con chung là Lù Anh T, sinh ngày 11/7/2016 cho chị La Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lù Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị La Thị T không yêu cầu anh Lù Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về chia tài sản chung: Chị La Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Chị La Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000470

ngày 27/4/2022 tại Chi cục T hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- UBND thị trấn Tân Uyên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh